

**CÔNG TY TNHH WENG FATT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH WENG FATT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WENG FATT VN CO., LTD

Tên công ty viết tắt: WENG FATT VIET NAM COMPANY LIMITED

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703071183

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 183-184 đường D4, Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ Sóng Thần, Khu phố  
Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0912153183

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                               | 4511        |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                       | 4512        |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                 | 4513        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                    | 4520(Chính) |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                | 4530        |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                 | 4541        |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                               | 4542        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                             | 4543        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                                                                                         | 4610        |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                | 4649        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng ô tô.                                                                                         | 4659        |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- (trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt<br>cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và<br>tiền kim khí) | 4669        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>- (trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt<br>cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và<br>tiền kim khí)                                 | 4690        |
| 14. | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                               | 2910        |
| 15. | Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán<br>rơ moóc                                                                                                                            | 2920        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 16. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                      | 2930                                                         |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>- (trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)                                             | 4791                                                         |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>- (trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)                                                        | 4799                                                         |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                          | 4933                                                         |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                 | 5210                                                         |
| 21. | Sản xuất mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                      | 3091                                                         |
| 22. | Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                        | 3099                                                         |
| 23. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                  | 3312                                                         |
| 24. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                   | 3315                                                         |
| 25. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                      | 3319                                                         |
| 26. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ HÒA TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 096186004847

Ngày cấp: 20/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC Về TTXH

Địa chỉ thường trú: Ấp Vàn Đình, Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Vàn Đình, Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương